



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

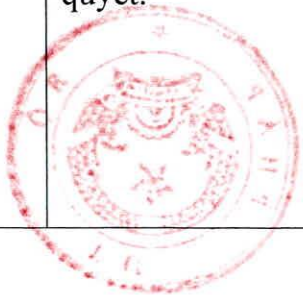
BẢN RÀ SOÁT

**Chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế
có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện thí điểm chế định luật sư công**

I. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Dự thảo

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)
1.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Văn kiện.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ đạo, tiếp tục phát triển mạnh thị trường dịch vụ pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, vụ kiện theo luật định; phát triển mạnh các hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, hỗ trợ tư pháp và các thiết chế giải quyết tranh chấp	Đã thể chế hóa đầy đủ: việc hình thành chế định luật sư công trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả việc bảo vệ quyền, lợi ích của cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, vụ kiện theo luật định; hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)
		ngoài Toà án. Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế	
2.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Văn kiện.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng chỉ đạo: tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài.	Đã thể chế hóa chủ trương của Đảng: Quy định của dự thảo Nghị định nhằm mục đích thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm luật sư công để bảo vệ lợi ích của Nhà nước.
3.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Văn kiện.		
4.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Nghị quyết.	Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã chỉ đạo “xây dựng ý thức, lối sống thượng tôn Hiến pháp, pháp luật	Đã thể chế hóa chủ trương của Đảng



STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)
		trong hệ thống chính trị và toàn xã hội”	
5.	Quy định của dự thảo Nghị định sẽ không làm phát sinh tổ chức, bộ máy và cơ bản không tăng thêm biên chế.	Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	
6.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Nghị quyết.	Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới	
7.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Nghị quyết.	Nghị quyết số 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới chỉ đạo “ <i>ngiên cứu, hình thành chế định luật sư công và cơ chế có điều kiện cho phép viên chức được hành nghề luật sư; thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý,</i>	Đã thể chế hóa đầy đủ theo hướng luật sư công là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư để thực hiện các hoạt động có tính chất pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật. Đồng thời, luật sư, chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia có kinh nghiệm đang công tác là một trong những nguồn của luật sư công.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)
		<i>luật gia, luật sư giới vào khu vực công”.</i>	
8.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Kết luận.	Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33 -CT/TW ngày 30/3/2009 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động luật sư đã chỉ đạo “hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút luật sư tham gia hoạt động tư vấn pháp luật, nhất là hoạt động tư vấn giải quyết tranh chấp quốc tế, phục vụ hội nhập quốc tế; tư vấn các chính sách thu hút đầu tư, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở Trung ương và địa phương”	Đã thể chế đầy đủ. Dự thảo Nghị định quy định cơ chế ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư nhằm đảm bảo có sự linh hoạt, thu hút luật sư tham gia bảo vệ lợi ích công nói chung và tư vấn giải quyết tranh chấp quốc tế, phục vụ hội nhập quốc tế; tư vấn các chính sách thu hút đầu tư, dự án phát triển kinh tế - xã hội nói riêng.
9.	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Kết luận.	Kết luận số 73-KL/TW ngày 20/5/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp chỉ đạo “chú trọng đào tạo đội ngũ luật sư để tham gia giải quyết các vụ việc tranh chấp có yếu tố nước	Thể chế hóa đầy đủ: Bên cạnh việc quy định người muốn trở thành luật sư công phải đáp ứng tiêu chuẩn bằng hoặc cao hơn luật sư hành nghề theo quy định của Luật Luật sư; luật sư công phải tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp của luật sư, luật sư công còn được ưu tiên cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng hành nghề luật sư tại các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài; tham gia các chương trình học bổng của Chính phủ. Bên cạnh đó, việc xây dựng đội ngũ luật sư công có phạm vi

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)
		ngoài, bảo vệ hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”.	công việc tập trung vào thực hiện tư vấn pháp luật, đại diện cho cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương trong việc giải quyết các vụ kiện, tranh chấp trong nước và quốc tế về đầu tư, thương mại, công pháp quốc tế sẽ giúp hình thành đội ngũ luật sư công chuyên biệt có chuyên môn sâu, tạo cơ hội cho luật sư công có cơ hội cọ xát thực tiễn, nâng cao chất lượng hành nghề.
10	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Nghị quyết.	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng, an ninh.	Thể chế hóa đầy đủ: hồ sơ tham dự kiểm tra, hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư có thể được lựa chọn nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống bưu chính với các thành phần hồ sơ phù hợp để thực hiện trực tuyến. Bên cạnh đó, dự thảo quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc tạo lập và lưu trữ hồ sơ của luật sư công trên môi trường điện tử.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)
11	Toàn bộ dự thảo Nghị định đã thể hiện xuyên suốt chỉ đạo tại Kết luận	Kết luận số 23-KL/TW ngày 07/4/2026 Bộ Chính trị về Đề án “Nghiên cứu xây dựng chế định luật sư công trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay” thông qua chủ trương thí điểm thực hiện chế định luật sư công tại 08 và Ủy ban nhân dân 10 tỉnh, thành phố, theo đó, Bộ Chính trị đồng ý chủ trương thí điểm thực hiện chế định luật sư công tại 08 Bộ.	

II. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
1.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 9, khoản 5 Điều 10 của Nghị quyết số 24/2026/QH16 về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công (sau đây gọi là Nghị quyết) và biện pháp thi hành Nghị quyết bao gồm đào tạo nghề luật sư, gia nhập Đoàn Luật sư,	* Nghị quyết số 24/2026/QH16: - Khoản 2 Điều 5: Chính phủ quy định việc tập sự hành nghề luật sư, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư và các tiêu chuẩn của luật sư công phù hợp với vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước.	Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết, đầy đủ một số điều khoản được Nghị quyết giao.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	cấp Thẻ cho luật sư công, lập danh sách luật sư công, bồi dưỡng cho luật sư công, quản lý luật sư công, xử lý vi phạm và giải quyết tố cáo đối với luật sư công.	- Khoản 4 Điều 6: Chính phủ quy định thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công. - Khoản 3 Điều 9: Chính phủ quy định chi tiết Điều này - Khoản 5 Điều 10: Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng khoản 1 Điều này đối với luật sư công là người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước; quy định chi tiết về chế độ, chính sách, kinh phí bảo đảm cho hoạt động của luật sư công. - Điểm d khoản 1 Điều 5: Người muốn trở thành luật sư công phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây: Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ, việc pháp lý phức tạp theo quy định của Chính phủ. - Khoản 2 Điều 8: Luật sư công có nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về luật sư công theo quy định của Chính phủ. * Ngoài ra, một số nội dung mặc dù Chính phủ không được giao quy định chi tiết nhưng dự thảo Nghị định cũng cần quy định biện pháp để thực hiện. Nội dung này phù hợp với quy định của Luật BHVBQPPL.	
2.	Điều 3. Đào tạo nghề luật sư 1. Người có Bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật được tham dự khóa đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư. 2. Thời gian đào tạo nghề luật sư là 12 tháng. Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật	Điều 12 Luật Luật sư về đào tạo nghề luật sư: 1. Người có Bằng cử nhân luật được tham dự khóa đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư. 2. Thời gian đào tạo nghề luật sư là mười hai tháng. Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư.	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Luật Luật sư, bảo đảm luật sư công có tiêu chuẩn tương với luật sư hành nghề theo quy định của Luật Luật sư.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư. 3. Những người sau đây được miễn đào tạo nghề luật sư để trở thành luật sư công: a) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật; b) Đã từng là thẩm phán cao cấp, kiểm sát viên cao cấp, điều tra viên cao cấp, chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp; c) Đã từng là thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 2, kiểm sát viên trung cấp, điều tra viên trung cấp; chấp hành viên trung cấp, thẩm tra viên chính; d) Chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật; trợ giúp viên pháp lý và tương đương; đ) Chuyên viên chính, pháp chế viên chính, thanh tra viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật; trợ giúp viên pháp lý và tương đương. 4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương được quy định tại điểm d và đ khoản 3 Điều này.	3. Chính phủ quy định về cơ sở đào tạo nghề luật sư. 4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chương trình khung đào tạo nghề luật sư, việc công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
3.	Điều 4. Tập sự hành nghề luật sư để trở thành luật sư công 1. Người muốn tập sự hành nghề luật sư để trở thành luật sư công là người đã có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư mà đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a, b khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết. 2. Thời gian tập sự của người đã từng là chấp hành viên trung cấp, thẩm tra viên chính, người thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 của Nghị định này là 04 tháng. 3. Đối với người có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư và đã có thời gian giữ ngạch chuyên viên, pháp chế viên, thanh tra viên, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật, trợ giúp viên pháp lý và tương đương từ 10 năm trở lên, thời gian tập sự là 06 tháng. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương tại khoản này. 4. Người muốn tập sự hành nghề luật sư lựa chọn một tổ chức hành nghề luật sư và đăng ký tập sự tại Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự.	- Điều 14 Luật Luật sư về tập sự hành nghề luật sư: 1. Người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư và người quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này được tập sự hành nghề tại tổ chức hành nghề luật sư. Thời gian tập sự hành nghề luật sư là mười hai tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật này. Thời gian tập sự hành nghề luật sư được tính từ ngày đăng ký tập sự tại Đoàn luật sư. Tổ chức hành nghề luật sư phân công luật sư hướng dẫn người tập sự hành nghề luật sư. Luật sư hướng dẫn tập sự phải là người có ít nhất ba năm kinh nghiệm hành nghề luật sư và không thuộc trường hợp đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này. Tại cùng một thời điểm, một luật sư không được hướng dẫn quá ba người tập sự. 2. Người tập sự hành nghề luật sư đăng ký tập sự tại Đoàn luật sư ở địa phương nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư mà mình tập sự và được Đoàn luật sư cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư. Đoàn luật sư có trách nhiệm giám sát việc tập sự hành nghề luật sư. 3. Người tập sự hành nghề luật sư được giúp luật sư hướng dẫn trong hoạt động nghề nghiệp nhưng không được đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng tại phiên tòa, không được ký văn bản tư vấn pháp luật.	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Luật Luật sư, bảo đảm luật sư công có tiêu chuẩn tương với luật sư hành nghề theo quy định của Luật Luật sư.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	Trong trường hợp người muốn tập sự hành nghề luật sư không thỏa thuận được với tổ chức hành nghề luật sư về việc nhận tập sự thì đề nghị Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự để giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư để tập sự. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự ban hành Quyết định tập sự, trong đó nêu rõ nơi tập sự và thời gian tập sự. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự cử luật sư hướng dẫn và gửi văn bản tiếp nhận tập sự cho luật sư tập sự và cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự. Trường hợp từ chối nhận người tập sự, người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Điều 5. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư 1. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước thuộc các trường hợp sau đây được miễn tập sự hành nghề	Người tập sự hành nghề luật sư được đi cùng với luật sư hướng dẫn gặp gỡ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự, nguyên đơn, bị đơn và các đương sự khác trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính khi được người đó đồng ý; giúp luật sư hướng dẫn nghiên cứu hồ sơ vụ, việc, thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến vụ, việc và các hoạt động nghề nghiệp khác; được tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tổ tụng và thực hiện các dịch vụ pháp lý khác theo sự phân công của luật sư hướng dẫn khi được khách hàng đồng ý. Luật sư hướng dẫn phải giám sát và chịu trách nhiệm về các hoạt động của người tập sự hành nghề luật sư quy định tại khoản này. 4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể việc tập sự hành nghề luật sư. - Điều 16 Luật Luật sư về người được miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư: 1. Người đã là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên cao cấp, điều tra viên trung cấp, giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật, thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật được miễn tập sự hành nghề luật sư.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	luật sư: a) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật; b) Đang là chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật; trợ giúp viên pháp lý và tương đương; c) Đã từng là thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 3, kiểm sát viên cao cấp, điều tra viên cao cấp, chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp; d) Đã từng là thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 2, kiểm sát viên trung cấp, điều tra viên trung cấp. 2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.	2. Người đã là điều tra viên sơ cấp, thẩm tra viên chính ngành Tòa án, kiểm tra viên chính ngành Kiểm sát, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật được giảm hai phần ba thời gian tập sự hành nghề luật sư. 3. Người có thời gian công tác ở các ngạch chuyên viên, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật, thẩm tra viên ngành Tòa án, kiểm tra viên ngành Kiểm sát từ mười năm trở lên thì được giảm một nửa thời gian tập sự hành nghề luật sư.	
4.	Điều 6. Quyền và trách nhiệm của luật sư tập sự 1. Theo sự phân công và giám sát của luật sư hướng dẫn, khi được khách hàng đồng ý, luật sư tập sự thực hiện các hoạt động nghề nghiệp sau đây: a) Được thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về tổ tụng; b) Thực hiện tư vấn pháp luật, soạn thảo tài liệu	Điều 12 Thông tư 10/2021/TT-BTP về quyền và nghĩa vụ của người tập sự: 1. Người tập sự có các quyền sau đây: a) Thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự; b) Được hướng dẫn về các nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự; c) Giúp luật sư hướng dẫn thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật Luật sư;	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTP.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	pháp lý, đại diện theo uỷ quyền và tư vấn các vấn đề pháp lý khác cho khách hàng nhưng không được ký văn bản tư vấn pháp luật; c) Được thực hiện hoạt động nghề nghiệp khác của luật sư tập sự phù hợp với quy định pháp luật. 2. Luật sư tập sự lập Sổ nhật ký tập sự hành nghề luật sư theo Mẫu số TP-LSC-01 để ghi chép các công việc thuộc nội dung tập sự mà mình thực hiện trong thời gian tập sự. Sổ nhật ký tập sự có xác nhận của luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự. Khi hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư, luật sư tập sự có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về quá trình tập sự theo Mẫu số TP-LSC-02. Báo cáo quá trình tập sự phải có nhận xét, chữ ký của luật sư hướng dẫn, xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi tập sự và được gửi cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc tập sự.	d) Được tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và luật sư hướng dẫn tạo điều kiện trong quá trình tập sự; đ) Đề nghị thay đổi luật sư hướng dẫn và nơi tập sự trong các trường hợp quy định tại Thông tư này; e) Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; g) Các quyền khác theo thỏa thuận với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Người tập sự có các nghĩa vụ sau đây: a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư; b) Tuân theo Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, nội quy Đoàn Luật sư, nội quy của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự; c) Thực hiện các công việc theo sự phân công của luật sư hướng dẫn; d) Chịu trách nhiệm trước luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về chất lượng công việc mà mình đảm nhận; đ) Đảm bảo thời gian tập sự tối thiểu là 20 giờ trong 01 tuần; e) Lập Sổ nhật ký tập sự, báo cáo quá trình tập sự;	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		g) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.	
5.	Điều 7. Quyền và trách nhiệm của luật sư hướng dẫn tập sự 1. Luật sư Việt Nam đang hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hành nghề, có uy tín, không trong thời gian bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam thì được hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư. Trong cùng một thời điểm, một luật sư không được hướng dẫn quá 03 luật sư tập sự. 2. Luật sư hướng dẫn tập sự có trách nhiệm sau đây: a) Hướng dẫn luật sư tập sự theo nội dung tập sự, việc thực hiện trách nhiệm của luật sư tập sự; b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc của luật sư tập sự do mình phân công, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự; c) Nhận xét về quá trình tập sự, trong đó nêu rõ các ưu điểm, hạn chế về nhận thức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tổ chức kỷ	Điều 13 Thông tư 10/2021/TT-BTP trách nhiệm của luật sư hướng dẫn: 1. Hướng dẫn người tập sự theo nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự. 2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc của người tập sự do mình phân công, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự của người tập sự. 3. Nhận xét về quá trình tập sự, trong đó nêu rõ các ưu điểm, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, việc thực hiện Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam của người tập sự. 4. Chịu trách nhiệm về quá trình tập sự của người tập sự; tạo điều kiện để người tập sự hoàn thành thời gian tập sự; không được cản trở hay hạn chế người tập sự thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về những vụ, việc mà người tập sự thực hiện theo sự phân công và hướng dẫn của mình. 5. Kịp thời báo cáo tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về việc người tập sự không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tập sự, vi phạm quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình tập sự.	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTP.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	luật, việc thực hiện Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; d) Chịu trách nhiệm về quá trình tập sự của luật sư tập sự trong phạm vi, nhiệm vụ được phân công; tạo điều kiện để luật sư tập sự hoàn thành thời gian tập sự; không được cản trở hay hạn chế luật sư tập sự thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về những vụ, việc mà luật sư tập sự thực hiện theo sự phân công và hướng dẫn của mình; đ) Kịp thời báo cáo cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về việc luật sư tập sự không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, vi phạm quy định pháp luật trong quá trình tập sự; e) Từ chối hướng dẫn tập sự khi không có năng lực chuyên môn phù hợp hoặc các điều kiện cần thiết khác để hướng dẫn hoặc luật sư tập sự không đáp ứng điều kiện theo quy định của Nghị định này; g) Các trách nhiệm khác liên quan đến việc hướng dẫn tập sự theo phân công của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.	6. Từ chối hướng dẫn tập sự khi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này. 7. Các trách nhiệm khác liên quan đến việc hướng dẫn tập sự theo phân công của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
6.	Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự 1. Thực hiện giám sát việc tập sự hành nghề luật sư, quản lý luật sư tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình. 2. Gửi văn bản tiếp nhận tập sự hành nghề luật sư cho luật sư tập sự, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự; ký, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự và Báo cáo quá trình tập sự; phân công luật sư đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn luật sư tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó. 3. Bảo đảm việc thực hiện trách nhiệm của luật sư tập sự và luật sư hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình; tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư tập sự thực hiện các công việc liên quan đến phạm vi công việc của luật sư công để phát triển kỹ năng nghề luật sư. 4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của luật sư hướng dẫn, trách nhiệm của luật sư tập sự. 5. Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa luật sư hướng dẫn và luật sư tập sự. 6. Từ chối nhận luật sư tập sự trong trường hợp	Điều 14 Thông tư số 10/2021/TT-BTP trách nhiệm của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự: 1. Cấp Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự, phân công luật sư đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Thông tư này hướng dẫn người tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó. 2. Được thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động với người tập sự; bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự, tạo điều kiện thuận lợi cho người tập sự và luật sư hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình. 3. Lập, quản lý, sử dụng Sổ theo dõi quá trình tập sự của người tập sự tại tổ chức mình theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này. 4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của luật sư hướng dẫn, quyền, nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của Thông tư này. 5. Quản lý người tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình; xem xét, xử lý vi phạm đối với người tập sự theo quy định của Thông tư này. 6. Hòa giải tranh chấp giữa luật sư hướng dẫn và người tập sự. 7. Từ chối nhận người tập sự trong trường hợp người tập sự không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTP.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	luật sư tập sự không đáp ứng điều kiện quy định của Nghị định này, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự không còn luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định; chấm dứt việc nhận hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp luật sư tập sự bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật. 7. Xem xét việc từ chối, thay đổi luật sư hướng dẫn. 8. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự 1. Tạo điều kiện để luật sư tập sự thực hiện đầy đủ nội dung tập sự theo quy định của pháp luật. 2. Bố trí thời gian, điều kiện làm việc cần thiết để luật sư tập sự tham gia tập sự và tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự theo quy định. 3. Phối hợp với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự trong việc quản lý, theo dõi, đánh giá quá trình tập sự của luật sư tập sự. 4. Theo dõi việc chấp hành kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và các quy định có liên quan của người tập sự; kịp thời trao đổi với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự khi phát hiện vi phạm;	Thông tư này, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự không còn luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định của Thông tư này; chấm dứt việc nhận hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp người tập sự bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 33 của Thông tư này. 8. Xem xét việc từ chối, thay đổi luật sư hướng dẫn. 9. Báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về tình hình tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung về việc tập sự hành nghề luật sư của người tập sự, bao gồm những thông tin sau đây: a) Số lượng người tập sự tại tổ chức hành nghề luật sư; b) Đánh giá chất lượng tập sự của người tập sự; c) Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hướng dẫn và người tập sự theo quy định của Thông tư này; d) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình nhận tập sự và đề xuất, kiến nghị. 10. Gửi Đoàn Luật sư danh sách người chấm dứt và hoàn thành thời gian tập sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày chấm dứt hoặc hoàn thành thời gian tập sự. 11. Các trách nhiệm khác theo thỏa thuận với người tập sự và quy định của pháp luật.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	5. Xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với luật sư tập sự vi phạm quy định về tập sự hành nghề luật sư. 6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.		
7.	Điều 10. Kiểm tra kết quả tập sự hành nghề 1. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này không phải tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công. 2. Luật sư tập sự đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư được tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công. 3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công. Hội đồng kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, thảo luận tập thể và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Thành phần Hội đồng kiểm tra có đại diện Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và thành viên là đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan. 4. Nội dung kiểm tra bao gồm nhận thức chính trị; pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư; Quy tắc	Điều 15 Luật Luật sư về kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư: 1. Người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư là người tập sự đã hoàn thành thời gian tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này. Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư xem xét, lập danh sách những người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư gửi Liên đoàn luật sư Việt Nam. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này thì không phải tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư. 2. Liên đoàn luật sư Việt Nam tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư. Việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư do Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư tiến hành; thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam làm Chủ tịch, đại diện Ban chủ nhiệm một số Đoàn luật sư và một số luật sư là thành viên. Danh sách thành viên Hội đồng do Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam quyết định.	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Luật Luật sư.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; kỹ năng hành nghề luật sư. 5. Bộ Tư pháp hướng dẫn việc tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công.	Người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư được Hội đồng kiểm tra cấp Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư. 3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn và giám sát việc tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.	
8.	Điều 11. Tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư 1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm lập Danh sách người đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra thuộc biên chế quản lý của mình, kèm theo hồ sơ của người dự thi gửi Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp. Hồ sơ dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư gồm có: a) Văn bản đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm; b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật; c) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 3 của Nghị định này; d) Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định tập sự	Điều 18 Thông tư 10/2021/BTP-TT về tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư: 1. Việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư được tổ chức ít nhất 06 tháng 01 lần. 2. Chậm nhất là ngày 15 của tháng cuối quý, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gửi danh sách người tập sự được đề nghị tham dự kiểm tra cho Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Sở Tư pháp nơi có trụ sở của Đoàn Luật sư. Hồ sơ tham dự kiểm tra gồm có: a) Giấy đề nghị tham dự kiểm tra theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư; c) Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật; d) Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư kèm theo Sổ nhật ký tập sự theo quy định của Thông tư này; đ) Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật Luật sư.	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTP nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	luật sư công; đ) Báo cáo quá trình tập sự kèm theo Sổ nhật ký tập sự theo Mẫu số TP-LSC- 01; e) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ, việc pháp lý phức tạp. Người đạt yêu cầu kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công được Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả kỳ kiểm tra. 2. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm lập Danh sách người được miễn tập sự thuộc biên chế của mình quy định tại Điều 5 của Nghị định này, kèm theo hồ sơ của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gồm có: a) Các giấy tờ quy định tại điểm a và e khoản 1 Điều này; b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Bằng cử nhân luật	3. Đối với người có Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hết hiệu lực, hồ sơ tham dự kiểm tra được gửi đến Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Hồ sơ gồm có: a) Giấy đề nghị tham dự kiểm tra theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này; b) Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hết hiệu lực. Nghị định số 121/2025/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư 1. Người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi tập sự hành nghề luật sư hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; b) Bản chính hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận sức khỏe; c) Bản sao hoặc bản sao điện tử Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật; d) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư. 2. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi người đó thường trú hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm:	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	hoặc Bằng thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; c) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại Điều 5 của Nghị định này; Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tạo lập, quản lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ của luật sư công theo quy định của pháp luật. 4. Luật sư công được tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.	a) Giấy tờ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 mục này; b) Giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 mục này, trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sĩ luật; c) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Luật sư. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Điểm c Điều 17 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP quy định bỏ bản chính hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận sức khoẻ trong hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư	
9.	Điều 12. Kinh nghiệm công tác pháp luật và giấy tờ chứng minh kinh nghiệm công tác pháp luật 1. Kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết là thời gian giữ chức danh, thời gian hành nghề hoặc làm công việc sau đây: a) Thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên; thẩm tra viên ngành Tòa án, thư ký Tòa án; chấp hành viên, thẩm tra viên, thư ký thi hành án dân sự; kiểm tra viên ngành kiểm sát; trợ giúp viên pháp lý; thanh tra viên; trinh sát viên, cảnh sát viên; nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật; b) Chuyên viên và chức danh tương đương trở lên tại các vị trí việc làm yêu cầu trình độ cử nhân luật trở lên tại các cơ quan sau đây: Cơ quan tư pháp,	Nghị quyết số 24/2026/QH16: Điều 5. Tiêu chuẩn của luật sư công 1. Người muốn trở thành luật sư công phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây: d) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ, việc pháp lý phức tạp theo quy định của Chính phủ.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	nội vụ, nội chính, pháp chế; cơ quan thi hành án dân sự; các cơ quan tòa án, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra; bộ phận pháp chế tại các doanh nghiệp; công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã; c) Thời gian hành nghề luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, thừa hành viên; d) Thời gian làm nghiệp vụ công chứng, luật sư, đấu giá tại các tổ chức hành nghề công chứng, luật sư, đấu giá. 2. Kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này là thời gian công tác, làm việc liên tục hoặc cộng dồn. 3. Giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này là một hoặc một số giấy tờ sau đây: a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, luân chuyển, điều động, hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với vị trí công tác pháp luật được bổ nhiệm, tuyển dụng hoặc ký hợp đồng từ đủ 05 năm trở lên đối với những người thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này;		

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	b) Chứng chỉ hành nghề luật sư và thẻ luật sư; chứng chỉ hành nghề đấu giá; chứng chỉ hành nghề quản tài viên; quyết định bổ nhiệm công chứng viên, quyết định bổ nhiệm thừa hành viên đối với những người thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; Chứng chỉ hành nghề hoặc các quyết định quy định tại điểm này phải kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 05 năm trở lên tương ứng với chức danh mà họ đảm nhận. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực luật sư, đấu giá, quản lý thanh lý tài sản, thừa phát lại mà không hưởng tiền lương hoặc người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng mà đang giao kết hợp đồng lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì không cần nộp kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội; c) Các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh kinh nghiệm công tác pháp luật.		
10.	Điều 13. Gia nhập Đoàn Luật sư, cấp Thẻ luật sư cho luật sư công 1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Chứng chỉ hành nghề luật sư, luật sư	Điều 20 Luật Luật sư về gia nhập Đoàn luật sư: 1. Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư có quyền lựa chọn gia nhập một Đoàn luật sư để hành nghề luật sư.	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Luật Luật sư.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	công thực hiện việc gia nhập Đoàn Luật sư nơi cơ quan, doanh nghiệp quản lý của mình có trụ sở. 2. Hồ sơ gia nhập Đoàn Luật sư được gửi đến Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gồm có: a) Giấy đề nghị gia nhập Đoàn Luật sư theo mẫu do Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành; b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Chứng chỉ hành nghề luật sư. 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra quyết định về việc gia nhập Đoàn Luật sư cho luật sư công. 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định gia nhập Đoàn Luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho người gia nhập Đoàn Luật sư. Thời hạn cấp Thẻ luật sư không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Đoàn Luật sư.	Người đã gia nhập Đoàn luật sư phải làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư, hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức hoặc thành lập, tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của Luật này tại địa phương nơi Đoàn luật sư có trụ sở. 2. Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư đến Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư. Hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư gồm có: a) Giấy đề nghị gia nhập Đoàn luật sư theo mẫu do Liên đoàn luật sư Việt Nam ban hành; b) Phiếu lý lịch tư pháp đối với trường hợp nộp hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư quá sáu tháng, kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; c) Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư. 3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư xem xét, ra quyết định về việc gia nhập Đoàn luật sư; nếu người nộp hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này thì Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư từ chối việc gia nhập và thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 87 của Luật này. 4. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định gia nhập Đoàn luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		nhiệm gửi văn bản đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho người gia nhập Đoàn luật sư. Thời hạn cấp Thẻ luật sư không quá hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Đoàn luật sư. Thẻ luật sư có giá trị không thời hạn, được đổi khi luật sư chuyển Đoàn luật sư hoặc khi bị mất, hỏng. 5. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày được cấp Thẻ luật sư, luật sư không làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư, hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức hoặc không thành lập, tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương nơi Đoàn luật sư có trụ sở hoặc luật sư không hành nghề luật sư trong thời hạn năm năm liên tục sau khi được cấp Thẻ luật sư thì Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư xóa tên luật sư đó khỏi danh sách luật sư và đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam thu hồi Thẻ luật sư. 6. Luật sư chuyển Đoàn luật sư phải gửi đến Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư mà mình đang là thành viên giấy đề nghị rút tên ra khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư ra quyết định xóa tên đối với luật sư rút khỏi danh sách luật sư của Đoàn, đồng thời gửi giấy giới thiệu của Đoàn kèm theo hồ sơ của luật sư đó đến Đoàn luật sư nơi luật sư dự định gia nhập.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		Thủ tục gia nhập Đoàn luật sư và đổi Thẻ luật sư được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Trong thời gian chờ đổi Thẻ luật sư, luật sư tiếp tục dùng Thẻ luật sư đang sử dụng để hành nghề và phải nộp lại ngay khi được đổi Thẻ luật sư.	
11.	Điều 14. Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công 1. Khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết, cơ quan thực hiện thí điểm có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công, trong đó nêu rõ lý do thu hồi kèm theo giấy tờ chứng minh. 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công. Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư được gửi cho cơ quan đề nghị thu hồi, gửi Liên đoàn Luật sư Việt Nam để thu hồi Thẻ Luật sư và gửi Đoàn Luật sư nơi luật sư công là thành viên để xóa tên khỏi danh sách thành viên Đoàn Luật sư.	Mục II Phụ lục III Nghị định số 121/2025/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; sau khi có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư thì thông báo cho Liên đoàn luật sư Việt Nam để thu hồi Thẻ luật sư. 2. Trường hợp có căn cứ xác định luật sư thuộc một trong những trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi luật sư là thành viên ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. Trường hợp có căn cứ xác định luật sư thuộc một trong những trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. 3. Trường hợp có căn cứ xác định luật sư thuộc một trong những trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì Đoàn Luật sư nơi người đó là thành viên hoặc cơ quan, tổ chức khác có văn bản	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		đề nghị gửi Sở Tư pháp để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của người đó kèm theo giấy tờ chứng minh luật sư thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. Trường hợp luật sư bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra Quyết định kỷ luật luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị gửi Sở Tư pháp để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư kèm theo Quyết định kỷ luật luật sư. Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư phải chấm dứt hoạt động hành nghề luật sư kể từ ngày có Quyết định kỷ luật luật sư bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư. Hàng năm, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 mục này, Sở Tư pháp thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư,	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		trừ trường hợp Quyết định kỷ luật luật sư bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư bị khiếu nại và đang được giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư được gửi cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp nơi cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Đoàn Luật sư nơi người đó đã là thành viên, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các cơ quan tiến hành tố tụng ở trung ương, các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương nơi có Đoàn Luật sư mà người đó đã là thành viên. Trong trường hợp người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư do không gia nhập Đoàn Luật sư theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư được gửi cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. 5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Liên đoàn Luật sư Việt Nam ra quyết định thu hồi Thẻ luật sư của người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. Quyết định thu hồi Thẻ luật sư được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Liên đoàn Luật sư Việt Nam. 6. Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư có trách nhiệm nộp lại bản gốc Chứng chỉ hành nghề luật sư cho Sở Tư pháp và Thẻ luật sư cho Đoàn luật sư nơi mình đã là thành viên. Sở Tư pháp có trách nhiệm thu và tiêu hủy Chứng chỉ	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		hành nghề luật sư, Ban Chủ nhiệm đoàn luật sư có trách nhiệm thu và tiêu hủy Thẻ luật sư. Trường hợp người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư do không gia nhập Đoàn Luật sư theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư nộp lại bản gốc Chứng chỉ hành nghề luật sư cho Sở Tư pháp nơi cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Sở Tư pháp có trách nhiệm thu và tiêu hủy Chứng chỉ hành nghề luật sư. 7. Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư bị tiêu hủy bằng hình thức cắt góc bên trái của Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư.	
12.	Điều 15. Thủ tục cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công 1. Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề luật sư bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi thì cơ quan thực hiện thí điểm có văn bản gửi Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đề nghị cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp đổi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư	Mục III Phụ lục III quy định về trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư quy định 1. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại <u>Luật Luật sư</u> và lý do bị thu hồi Chứng chỉ không còn. 2. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi có đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư. 3. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư được	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy định của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP về cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định quy định tách riêng 02 trường hợp cấp đổi và cấp lại để bảo đảm tính hợp lý vì cấp đổi thì lý do và hồ sơ sẽ đơn giản hơn.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	cho luật sư công. 2. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi đáp ứng các tiêu chuẩn của luật sư công quy định tại Điều 5 của Nghị quyết và lý do bị thu hồi Chứng chỉ không còn. Hồ sơ đề nghị cấp lại được gửi đến Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp. Hồ sơ gồm có: a) Văn bản đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm; b) Giấy tờ chứng minh đáp ứng tiêu chuẩn luật sư công và lý do bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư không còn. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công.	xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi có đủ tiêu chuẩn tại Điều 10 của Luật Luật sư và thuộc một trong các điều kiện sau đây: a) Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư do bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư; b) Thời hạn tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư đã hết hoặc đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; c) Đã được xóa án tích, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Luật sư. 4. Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư do đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý thì không được cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư. 5. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại mục I Phụ lục này. Điều 6 Nghị quyết số 24/2026/QH16: Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công 1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho người đủ tiêu chuẩn quy	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		định tại Điều 5 của Nghị quyết này làm việc tại cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý. 2. Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư: a) Không đủ tiêu chuẩn của luật sư công theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này; b) Người đang là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, thẩm tra viên ngành Tòa án, kiểm tra viên ngành Kiểm sát, chấp hành viên; c) Không thường trú tại Việt Nam; d) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Luật sư và không trái với Nghị quyết này. 3. Luật sư công bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; b) Thôi làm luật sư công theo nguyện vọng hoặc theo đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm quản lý luật sư công; c) Cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng ngoài khu vực nhà nước; d) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Luật sư và không trái với Nghị quyết này; đ) Hết thời gian thí điểm thực hiện chế định luật sư công theo Nghị quyết này mà Quốc hội quyết định không tiếp tục thực	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		hiện chế định luật sư công, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết này. 4. Chính phủ quy định thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công. Điều 6 Thông tư số 05/2021/TT-BTP về cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư 1. Việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Luật sư. Người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư thuộc trường hợp đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Luật sư. Người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư thuộc trường hợp được miễn tập sự hành nghề luật sư nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư tại Sở Tư pháp nơi người đó thường trú theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Luật sư. 2. Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề luật sư bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi thì được cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư. 3. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư.	
13.	Điều 17. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho luật sư công	Điều 21 Luật Luật sư về quyền, nghĩa vụ của luật sư: 1. Luật sư có các quyền sau đây:	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với quy

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề theo quy định của pháp luật về luật sư được tuyển dụng làm luật sư công phải đăng ký tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Thời gian bồi dưỡng tối thiểu là 10 ngày. Nội dung bồi dưỡng gồm: Pháp luật về luật sư và pháp luật về luật sư công, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; kỹ năng tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước và nội dung khác liên quan đến hoạt động của luật sư công. 2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng nội dung bồi dưỡng và tổ chức việc bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Luật sư công có nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng bắt buộc theo quy định của pháp luật về luật sư. Luật sư công đã tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được tính vào thời gian bồi dưỡng bắt buộc của năm đó.	a) Được pháp luật bảo đảm quyền hành nghề luật sư theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan; b) Đại diện cho khách hàng theo quy định của pháp luật; c) Hành nghề luật sư, lựa chọn hình thức hành nghề luật sư và hình thức tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của Luật này; d) Hành nghề luật sư trên toàn lãnh thổ Việt Nam; đ) Hành nghề luật sư ở nước ngoài; e) Các quyền khác theo quy định của Luật này. 2. Luật sư có các nghĩa vụ sau đây: a) Tuân theo các nguyên tắc hành nghề luật sư quy định tại Điều 5 của Luật này; b) Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy và các quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng; có thái độ hợp tác, tôn trọng người tiến hành tố tụng mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề; c) Tham gia tố tụng đầy đủ, kịp thời trong các vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu; d) Thực hiện trợ giúp pháp lý; đ) Tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ; e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này. Điều 3 Thông tư 02/2029/TT- BTP về nội dung, hình thức bồi dưỡng: 1. Tùy thuộc vào yêu cầu bồi dưỡng bắt buộc hàng năm, nội dung bồi dưỡng bao gồm một hoặc một số nội dung sau đây:	định của Luật Luật sư, Thông tư 02/2029/TT-BTP bảo đảm chất lượng của luật sư công tương đồng với luật sư hành nghề theo quy định của Luật Luật sư.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		a) Đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư; b) Cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật; c) Kỹ năng hành nghề luật sư và kỹ năng hỗ trợ cho hoạt động hành nghề luật sư; d) Kỹ năng quản trị tổ chức hành nghề luật sư. 2. Việc bồi dưỡng được tổ chức dưới hình thức khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư hoặc trao đổi kinh nghiệm hành nghề luật sư.	
14.	Điều 18. Cử luật sư công tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước 1. Khi có nhu cầu sử dụng luật sư công để tham gia vào vụ, việc có tính chất pháp lý, cơ quan thực hiện thí điểm cử luật sư công của cơ quan mình để tham gia giải quyết vụ, việc. Văn bản cử luật sư công gồm có các nội dung chính sau đây: a) Họ và tên, số Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công được cử; b) Nội dung công việc mà luật sư công thực hiện; c) Quyền và nghĩa vụ của luật sư công trong thời gian thực hiện công việc; d) Thời hạn thực hiện nhiệm vụ; đ) Các chế độ, chính sách luật sư công được hưởng; e) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan;	Điều 9 Nghị quyết số 24/2026/QH 16 về việc sử dụng luật sư công tại khu vực nhà nước: 1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng luật sư công để thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này cử luật sư công làm việc tại cơ quan, tổ chức mình để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi thí điểm theo Nghị quyết này có nhu cầu sử dụng luật sư công của cơ quan, tổ chức khác thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức có luật sư công cử hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công giới thiệu để cử luật sư công; người đứng đầu cơ quan, tổ chức được đề nghị cử luật sư công có quyền cử hoặc từ chối cử luật sư công. 2. Trường hợp phát sinh vụ, việc có tính chất pháp lý phức tạp mà đội ngũ luật sư công chưa đáp ứng được thì cơ quan thực hiện thí điểm có vụ, việc đó lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của pháp	Dự thảo Nghị định quy định bảo đảm phù hợp với Nghị quyết.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	g) Các nội dung khác có liên quan. 2. Cơ quan thực hiện thí điểm có nhu cầu sử dụng luật sư công của cơ quan khác thì có văn bản đề nghị cơ quan có luật sư công cử hoặc đề nghị Bộ Tư pháp giới thiệu để cử luật sư công. Văn bản đề nghị cử hoặc giới thiệu luật sư công gồm có nội dung chính sau đây: a) Thông tin về nội dung vụ, việc; b) Dự kiến phạm vi và nội dung công việc của luật sư công; c) Dự kiến thời hạn thực hiện vụ, việc; d) Trách nhiệm của luật sư công khi thực hiện vụ, việc; đ) Các chế độ, chính sách luật sư công được hưởng; e) Các nội dung khác có liên quan. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cử, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm cử luật sư công có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực cần cho giải quyết vụ, việc của cơ quan, tổ chức mình để thực hiện các vụ, việc của cơ quan, tổ chức đề nghị cử. Văn bản cử luật sư công gồm có các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Theo yêu cầu của cơ quan sử dụng luật sư công,	luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để cùng luật sư công giải quyết vụ, việc đó. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công gia hạn thời gian thực hiện công việc của luật sư công trong trường hợp gần hết thời hạn theo văn bản cử luật sư công mà vụ, việc chưa được giải quyết xong. 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị giới thiệu luật sư công, Bộ Tư pháp rà soát danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm để giới thiệu luật sư công cho cơ quan có nhu cầu sử dụng luật sư công. 5. Một luật sư công có thể đồng thời tham gia giải quyết nhiều vụ, việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước nếu việc tham gia đó không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ mà luật sư công đã tham gia. 6. Cơ quan sử dụng luật sư công có trách nhiệm sau đây: a) Xác định yêu cầu, phạm vi công việc và nhiệm vụ cụ thể của luật sư công; b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến vụ, việc và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, tài liệu cung cấp cho luật sư công; c) Tạo điều kiện để luật sư công thực hiện nhiệm		

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	vụ và tiếp cận các nguồn thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật; d) Thành lập Tổ luật sư để giải quyết vụ, việc cụ thể khi thấy cần thiết. Tổ luật sư bao gồm các luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm và các luật sư hành nghề (nếu có). đ) Phối hợp với cơ quan quản lý luật sư công trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của luật sư công; e) Lưu giữ và bảo mật thông tin trong quá trình giải quyết và sau khi kết thúc việc giải quyết vụ, việc theo quy định của pháp luật; g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. 7. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm sau đây: a) Tạo điều kiện về thời gian, công việc và các điều kiện khác để luật sư công của cơ quan, doanh nghiệp mình thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư công; b) Hỗ trợ luật sư công trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; c) Phối hợp với cơ quan sử dụng luật sư công giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong		

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	quá trình thực hiện vụ, việc; d) Thực hiện đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của luật sư công trên cơ sở kết quả thực hiện vụ, việc và ý kiến của cơ quan sử dụng luật sư công; đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.		
15.	Điều 20. Ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư 1. Cơ quan thực hiện thí điểm có thể lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư để cùng luật sư công giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý phức tạp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Vụ, việc có tính chất phức tạp, đòi hỏi chuyên môn sâu mà đội ngũ luật sư công chưa đáp ứng được; b) Số lượng vụ, việc phức tạp cần nhiều luật sư mà vượt quá khả năng tham gia của đội ngũ luật sư công; c) Vụ, việc có liên quan đến các dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án có tác động lớn đến kinh tế, xã hội;	Khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 24/2026/QH16 về việc sử dụng luật sư công tại khu vực nhà nước: 2. Trường hợp phát sinh vụ, việc có tính chất pháp lý phức tạp mà đội ngũ luật sư công chưa đáp ứng được thì cơ quan thực hiện thí điểm có vụ, việc đó lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để cùng luật sư công giải quyết vụ, việc đó. Điều 29 Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt: 1. Việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với các gói thầu không thể lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này, bao gồm:	Dự thảo Nghị định quy định bảo đảm phù hợp với Nghị quyết và tương tự pháp luật về đấu thầu.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	d) Vụ, việc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền tài phán quốc tế; đ) Các vụ, việc khác theo quyết định của cơ quan chủ trì giải quyết vụ, việc. 2. Việc lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư phải bảo đảm công khai, minh bạch, phù hợp với tính chất vụ, việc và được thực hiện theo quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt áp dụng tương tự việc lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các biện pháp khác ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế theo quy định của pháp luật đấu thầu. 3. Khi giải quyết vụ, việc, luật sư công có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với luật sư của tổ chức hành nghề luật sư trong việc bảo vệ lợi ích của Nhà nước. Luật sư công và tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin, bảo đảm giữ bí mật thông tin, thống nhất phương án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước theo quy	d) Lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế;	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	định của pháp luật. Khi có sự không thống nhất giữa luật sư công và luật sư hành nghề trong quá trình giải quyết vụ, việc thì các luật sư báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư xem xét, quyết định. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Ý kiến của luật sư công và luật sư hành nghề phải được lưu trong hồ sơ vụ, việc.		
16.	Điều 21. Chế độ, chính sách đối với luật sư công 1. Ngoài tiền lương, luật sư công làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng; mức hỗ trợ hằng tháng được thỏa thuận trong hợp đồng lao động với doanh nghiệp nhà nước. 2. Ngoài khoản hỗ trợ và bồi dưỡng theo quy định của Nghị quyết và Nghị định này, luật sư công được hưởng chế độ, chính sách khác tương tự như đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang có vị trí việc làm xây dựng pháp luật, pháp chế theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây	Điều 10 Nghị quyết số 24/2026/QH16 về chế độ, chính sách đối với luật sư công: 1. Ngoài chế độ tiền lương theo quy định của pháp luật, luật sư công được hưởng hỗ trợ hằng tháng và các chế độ, chính sách khác tương tự như đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang có vị trí việc làm xây dựng pháp luật, pháp chế theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Trường hợp luật sư công được hưởng đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ hằng tháng thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất. 2. Luật sư công khi tham gia giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý được hưởng bồi dưỡng theo vụ, việc. Mức chi bồi dưỡng trả cho 01 buổi làm việc là 0,5 lần mức lương cơ sở.	Dự thảo Nghị định quy định phù hợp với Nghị quyết.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	dụng và tổ chức thi hành pháp luật. 3. Khoản hỗ trợ hằng tháng do cơ quan, doanh nghiệp quản lý của luật sư công chi trả cùng kỳ lương. Khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.	3. Khoản hỗ trợ hằng tháng và bồi dưỡng theo vụ, việc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Thu nhập từ công việc của luật sư công theo quy định tại Nghị quyết này được miễn thuế thu nhập cá nhân và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước. 4. Luật sư công được Nhà nước chi trả các khoản phí liên quan đến gia nhập, duy trì tư cách thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ được giao. 5. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng khoản 1 Điều này đối với luật sư công là người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước; quy định chi tiết về chế độ, chính sách, kinh phí bảo đảm cho hoạt động của luật sư công.	
17.	Điều 22. Thời gian tham gia giải quyết vụ, việc của luật sư công 1. Một buổi làm việc của luật sư công theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết được tính là 04 giờ. Trường hợp thời gian làm việc thực tế không đủ hoặc vượt quá 04 giờ thì được tính theo tỷ lệ tương ứng để làm căn cứ chi trả bồi dưỡng. 2. Các công việc của luật sư công thực hiện để giải quyết vụ, việc làm cơ sở để tính thời gian làm việc bao gồm:	Khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 24/2026/QH16 quy định: 2. Luật sư công khi tham gia giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý được hưởng bồi dưỡng theo vụ, việc. Mức chi bồi dưỡng trả cho 01 buổi làm việc là 0,5 lần mức lương cơ sở.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	a) Nghiên cứu, sao chụp hồ sơ, tài liệu; b) Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, tình tiết liên quan; c) Làm việc với cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công; d) Làm việc với cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ, việc, tham gia tố tụng; đ) Làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; e) Xây dựng phương án giải quyết và chuẩn bị hồ sơ vụ, việc; g) Các công việc khác có liên quan. 3. Thời gian làm việc của luật sư công quy định tại khoản 2 Điều này do cơ quan sử dụng luật sư công xác nhận. 4. Luật sư công được thanh toán chế độ bồi dưỡng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc tham gia giải quyết vụ, việc. Hồ sơ thanh toán chế độ bồi dưỡng của luật sư công gồm: a) Văn bản cử luật sư công; b) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của luật sư công; c) Văn bản xác nhận của cơ quan sử dụng luật sư công quy định tại khoản 3 Điều này; d) Bảng thanh toán tiền bồi dưỡng;		

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	đ) Các tài liệu có liên quan khác.		
18.	Điều 23. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động của luật sư công và thực hiện chế độ, chính sách đối với luật sư công 1. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm chi trả phí tập sự hành nghề luật sư, mức hỗ trợ hằng tháng cho luật sư công, các khoản phí liên quan đến tập sự, gia nhập, duy trì tư cách thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư công và thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định của Nghị định này. 2. Cơ quan sử dụng luật sư công có trách nhiệm thanh toán tiền bồi dưỡng cho luật sư công, các khoản chi phí khác theo quy định của Nghị định này khi luật sư công tham gia giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý của cơ quan, tổ chức mình. 3. Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm dự toán kinh phí chi trả cho tổ chức hành nghề luật sư theo hợp đồng dịch vụ pháp lý và kinh phí khác bảo đảm cho hoạt động của luật sư công gửi cơ quan tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan thực hiện thí điểm	Điều 10 Nghị quyết số 24/2026/QH16 về chế độ, chính sách đối với luật sư công: 1. Ngoài chế độ tiền lương theo quy định của pháp luật, luật sư công được hưởng hỗ trợ hằng tháng và các chế độ, chính sách khác tương tự như đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang có vị trí việc làm xây dựng pháp luật, pháp chế theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Trường hợp luật sư công được hưởng đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ hằng tháng thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất. 2. Luật sư công khi tham gia giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý được hưởng bồi dưỡng theo vụ, việc. Mức chi bồi dưỡng trả cho 01 buổi làm việc là 0,5 lần mức lương cơ sở. 3. Khoản hỗ trợ hằng tháng và bồi dưỡng theo vụ, việc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Thu nhập từ công việc của luật sư công theo quy định tại Nghị quyết này được miễn thuế thu nhập cá nhân và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước. 4. Luật sư công được Nhà nước chi trả các khoản phí liên quan đến gia nhập, duy trì tư cách thành viên của tổ chức xã hội -	Dự thảo Nghị định quy định phù hợp với Nghị quyết.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	theo phân cấp ngân sách hiện hành. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của luật sư công tại doanh nghiệp nhà nước được bảo đảm từ nguồn tài chính của doanh nghiệp và bố trí trong kế hoạch tài chính hằng năm theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp nhà nước lập, phê duyệt, quản lý và sử dụng dự toán kinh phí theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp. 4. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí cho hoạt động của luật sư công được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với cơ quan hành chính nhà nước; theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	nghề nghiệp của luật sư, được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ được giao. 5. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng khoản 1 Điều này đối với luật sư công là người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước; quy định chi tiết về chế độ, chính sách, kinh phí bảo đảm cho hoạt động của luật sư công.	
19.	Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công 1. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ quản lý nhà nước về luật sư công có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về luật sư công và hướng dẫn thi hành các văn bản đó; ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động của luật sư công;	Điều 83 Luật Luật sư về trách nhiệm quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư: 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư. 2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược phát triển nghề luật sư, ban hành chính sách hỗ trợ cho Đoàn luật sư các	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với Luật Luật sư

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	b) Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về luật sư công và pháp luật có liên quan; c) Tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công; d) Cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; đ) Lập, đăng tải danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm; giới thiệu luật sư công để thực hiện công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước theo đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm; e) Xây dựng nội dung, chương trình và thực hiện bồi dưỡng cho luật sư công sau khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; tổ chức bồi dưỡng hằng năm cho luật sư công trong phạm vi toàn quốc; g) Kiểm tra hoạt động của luật sư công theo quy định của pháp luật; h) Tổng hợp, theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của luật sư công trên cơ sở tiêu chí đã được ban hành; tổng kết, báo cáo Chính phủ; i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. 2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công ở địa phương có	tính đặc biệt khó khăn và các chính sách khác hỗ trợ phát triển nghề luật sư; b) Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật về luật sư; c) Cấp phép thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư; quy định chương trình khung đào tạo nghề luật sư; quy định chế độ bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư; phối hợp với Bộ Tài chính quy định học phí đào tạo nghề luật sư; quản lý, tổ chức việc bồi dưỡng, đào tạo nghề luật sư; d) Cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; đ) Cấp, thu hồi, gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài; e) Cấp, thu hồi Giấy phép thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; g) Tổng kết, báo cáo Chính phủ về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư; h) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư; tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam; i) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư; k) Quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về luật sư; l) Đình chỉ việc kiểm tra, hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư khi phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về luật sư công và pháp luật có liên quan; b) Tổ chức bồi dưỡng hằng năm cho luật sư công ở địa phương; c) Kiểm tra hoạt động của luật sư công theo quy định của pháp luật; d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.	theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; m) Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi nghị quyết, quyết định, quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam trái với quy định của Luật này; n) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này. 3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư. 4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Cho phép thành lập Đoàn luật sư; quyết định việc giải thể Đoàn luật sư sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; b) Phê duyệt đề án tổ chức đại hội của Đoàn luật sư; c) Tổ chức cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; d) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại địa phương;	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		đ) Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi những nghị quyết, quyết định, quy định của Đoàn luật sư trái với quy định của Luật này; e) Đình kỳ báo cáo Bộ Tư pháp về tình hình tổ chức luật sư và hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại địa phương; g) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại địa phương; h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương.	
20.	Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư 1. Liên đoàn Luật sư Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công; b) Phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng cho luật sư công quy định tại Điều 17 của Nghị định này; c) Cấp Thẻ luật sư cho luật sư công; d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định	Điều 65 Luật Luật sư về nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn luật sư Việt Nam: - Tổ chức đào tạo nghề luật sư; xây dựng chương trình và hướng dẫn các Đoàn luật sư thực hiện bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản trị, điều hành tổ chức hành nghề luật sư. - Quy định mẫu trang phục luật sư tham gia phiên tòa, mẫu giấy đề nghị gia nhập Đoàn luật sư; mẫu Thẻ luật sư, việc cấp, đổi, thu hồi Thẻ luật sư; hướng dẫn việc thực hiện rà soát, đánh giá hàng năm chất lượng đội ngũ luật sư. Điều 61 Luật Luật sư về nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn luật sư:	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với Luật Luật sư về trách nhiệm của Đoàn Luật sư, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và trong việc thực hiện thủ tục gia nhập và cấp thẻ cho luật sư công.

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam. 2. Đoàn Luật sư tỉnh, thành phố nơi thực hiện thí điểm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Thực hiện đăng ký tập sự cho luật sư tập sự; b) Thực hiện đăng ký gia nhập Đoàn Luật sư cho luật sư công; c) Đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho luật sư công; d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.	- Tổ chức đăng ký việc gia nhập Đoàn luật sư, tổ chức việc chuyển, tiếp nhận luật sư; đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp, đổi, thu hồi Thẻ luật sư.	
21.	Điều 27. Xử lý vi phạm đối với luật sư công 1. Luật sư công có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Việc xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với luật sư công được thông báo đến Đoàn Luật sư nơi luật sư công là thành viên, Liên đoàn Luật sư Việt Nam.	- Điều 85 Luật Luật sư về xử lý kỷ luật đối với luật sư 1. Luật sư vi phạm quy định của Luật này, Điều lệ, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam và quy định khác của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây: a) Khiển trách; b) Cảnh cáo; c) Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư từ sáu tháng đến hai mươi bốn tháng;	Dự thảo Nghị định quy định tương đồng với Luật Luật sư về xử lý vi phạm đối với luật sư công

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
	2. Luật sư công vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Việc xử lý kỷ luật đối với luật sư công được thực hiện theo quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và phải có sự trao đổi thống nhất với cơ quan, doanh nghiệp thí điểm quản lý luật sư công. Trong trường hợp không thống nhất được thì đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến về các nội dung chưa thống nhất. 3. Việc xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và việc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện độc lập, không thay thế cho nhau.	d) Xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư. 2. Việc xem xét quyết định kỷ luật luật sư thuộc thẩm quyền của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư theo đề nghị của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư. 3. Trong trường hợp luật sư bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư thì Đoàn luật sư phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp và đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam thu hồi Thẻ luật sư. - Điều 89 Luật Luật sư về xử lý vi phạm đối với luật sư 1. Luật sư Việt Nam vi phạm quy định của Luật này, ngoài việc bị xử lý kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 2. Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Luật sư nước ngoài vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì Bộ Tư pháp thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đã cử luật sư đó vào hành nghề tại Việt Nam hoặc tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đã tuyển dụng luật sư đó và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)
		có thể bị thu hồi hoặc xem xét không gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam.	
22.	Điều 30. Trách nhiệm thi hành 1. Cơ quan thực hiện thí điểm căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và tiêu chuẩn của luật sư công quy định tại Nghị quyết và Nghị định này để lựa chọn, phân công hoặc tuyển dụng người thực hiện nhiệm vụ luật sư công theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và quy định của Nghị định này. Cơ quan thực hiện thí điểm thực hiện tuyển dụng người vào làm cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 363/2025/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội nhân dân Việt Nam. Người được tuyển dụng phải thực hiện nhiệm vụ của luật sư công và nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội	Điều 11 Nghị quyết số 24/2026/QH16 về tổ chức thực hiện: 1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này áp dụng quy định của pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài, người có tài năng để tuyển dụng luật sư, chuyên gia, nhà khoa học, luật gia có kinh nghiệm vào làm việc tại cơ quan mình theo vị trí việc làm và thực hiện nhiệm vụ luật sư công.	Dự thảo Nghị định quy định phù hợp với Nghị quyết số 24/2026/QH16